

Số: /QĐ-UBND

Như Thanh, ngày tháng năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500
Trường tiểu học Xuân Khang 1, huyện Như Thanh

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN NHƯ THANH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/06/2014; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch; Nghị định 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 về quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn; Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 của Bộ Xây dựng Ban hành QCVN 01:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng; Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học;

Căn cứ Nghị quyết số 264/ND-HĐND của Hội đồng nhân dân huyện Như Thanh ngày 25/12/2023 về quyết định giao dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ dự toán chi ngân sách cấp huyện năm 2024, huyện Như Thanh;

Căn cứ Quyết định số 1627/QĐ-UBND ngày 24/5/2022 của UBND huyện Như Thanh về việc phê duyệt đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng xã Xuân Khang, huyện Như Thanh đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 1425/QĐ-UBND ngày 16/04/2024 của UBND huyện Như Thanh phê duyệt nhiệm vụ và dự toán lập quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Trường tiểu học Xuân Khang 1, huyện Như Thanh;

Theo đề nghị của Phó trưởng phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện tại Công văn số 577/KTHT ngày 15/11/2024 báo cáo thẩm định đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Trường tiểu học Xuân Khang 1, huyện Như Thanh (kèm theo Tờ trình số 09/TTr-THXK1 ngày 15/11/2024 của Trường tiểu học Xuân Khang 1 về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Trường tiểu học Xuân Khang 1, huyện Như Thanh).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Trường tiểu học Xuân Khang 1, huyện Như Thanh, với những nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên đồ án: Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Trường tiểu học Xuân Khang 1, huyện Như Thanh.

2. Vị trí, phạm vi, ranh giới, quy mô lập quy hoạch.

2.1. Phạm vi ranh giới

Khu đất lập quy hoạch chi tiết thuộc địa giới hành chính xã Xuân Khang, huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa, nằm trong tổng thể không gian đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng xã Xuân Khang, huyện Như Thanh đến năm 2030 được phê duyệt tại Quyết định số 1627/QĐ-UBND ngày 24/5/2022, khu đất có chức năng là đất giáo dục, có giới hạn cụ thể như sau:

- Phía Đông Bắc: giáp hành lang đường giao thông;
- Phía Đông Nam: giáp đất dân cư hiện trạng, giáp khe suối;
- Phía Tây Bắc: giáp hành lang đường giao thông;
- Phía Tây Nam: giáp khe suối.

2.2 Quy mô

- Quy mô diện tích lập quy hoạch khoảng 5.468,3m²;
- Quy mô cán bộ, giáo viên và người lao động khoảng 29 người;
- Quy mô học sinh khoảng 303 học sinh.

3. Tính chất, chức năng khu vực lập quy hoạch

Là trường tiểu học được đầu tư xây dựng đảm bảo các tiêu chí về cơ sở vật chất trường học để tổ chức giảng dạy, học tập và hoạt động giáo dục đạt chất lượng theo mục tiêu, chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học do Bộ trưởng

Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

4. Tổ chức không gian, phân khu chức năng, tổng hợp các hạng mục công trình

4.1. Tổ chức không gian, phân khu chức năng

- Lối tiếp cận chính vào trường học thông qua tuyến đường hiện trạng phía đông bắc khu vực lập quy hoạch, trên cơ sở lối vào đó tổ chức hệ thống sân đường nội bộ tạo thành mạng kín, đảm bảo tiếp cận thuận lợi đến từng khu chức năng của trường;

- Các công trình kiến trúc được bố trí xung quanh hệ thống sân tập trung của trường;

- Các công trình phụ trợ, hệ thống cây xanh, bãi đỗ xe được bố trí phân tán, xen lẫn giữa các công trình và hệ thống sân đường nội bộ.

4.2. Tổng hợp các hạng mục và quy mô công trình

Bảng tổng hợp các hạng mục và quy mô công trình

Stt	Hạng mục	Ký hiệu	Tầng cao (tầng)	Diện tích xd (m ²)	Diện tích sàn xd (m ²)	Mật độ xd (%)	Hệ số sdd (lần)	Tỷ lệ (%)
1	Nhà hiệu bộ (hiện trạng)	1	2	187,2	374,4			
2	Nhà lớp học 2 tầng 8 phòng (hiện trạng)	2	2	499,2	998,4			
3	Nhà lớp học 3 tầng 9 phòng (Giai đoạn 1: xây mới NLH 2T-6P. Giai đoạn 2 nâng cấp lên nhà lớp học 3 tầng 9 phòng)	3	3	389,8	1.092,8			
4	Nhà đa năng (xây mới)	4	1	460,0	460,0			
5	Nhà hỗ trợ học tập (xây mới)	5	2	229,0	458,0			
5	Nhà trực bảo vệ (xây mới)	6	1	16,0	16,0			
6	Nhà xe (xây mới)	7	1	142,2	142,2			
7	Khu bể xử lý nước thải (xây mới)	8	-	42,0	42,0			
8	Trạm bơm + bể pccc (xây mới)	9	1	42,0	42,0			
9	Nhà vệ sinh (xây mới)	10	1	31,8	31,8			
10	Sân thể dục thể thao	11	-	350,0	-			
11	Sân chơi	12	-	720,0	-			
12	Cổng	13	-	-	-			
13	Cây xanh	-	-	1.167,6	-			
14	Đường nội bộ		-	1.191,5	-			
	Tổng diện tích quy hoạch		1 - 3	5.468,3		37,3	0,7	100,0
	Tổng diện tích xây dựng			2.039,2				37,3

	Tổng diện tích sàn xây dựng			3.657,6			-
	Tổng diện tích cây xanh, sân chơi, sân thể dục thể thao		2.237,6				40,9
	Tổng diện tích đường nội bộ		1.191,5				21,8

5. Các chỉ tiêu sử dụng đất quy hoạch

Bảng tổng hợp quy hoạch sử dụng đất

Stt	Hạng mục	Ký hiệu	Diện tích (m ²)	Mật độ xd (%)	Tầng cao (tầng)	Hệ số sdd (lần)	Tỷ lệ (%)
I	Đất xây dựng các hạng mục chính		1.765,2				32,3
1.1	Nhà hiệu bộ (hiện trạng)	Gd1	187,2		2		
1.2	Nhà lớp học 2 tầng 8 phòng (hiện trạng)	Gd2	499,2		2		
1.3	Nhà lớp học 3 tầng 9 phòng (Giai đoạn 1: xây mới nhà lớp học 2 tầng 6 phòng. Giai đoạn 2: nâng cấp lên nhà lớp học 3 tầng 9 phòng)	Gd3	389,8		3		
1.4	Nhà đa năng (xây mới)	Gd4	460,0		1		
1.5	Nhà hỗ trợ học tập (xây mới)	Gd5	229,0		2		
II	Đất xây dựng các hạng mục phụ trợ		274,0				5,0
2.1	Nhà trực bảo vệ (xây mới)	Pt1	16,0		1		
2.2	Nhà xe (xây mới)	Pt2	142,2		1		
2.3	Khu bể xử lý nước thải (xây mới)	Pt3	42,0		-		
2.4	Trạm bơm + bể pccc (xây mới)	Pt4	42,0		1		
2.5	Nhà vệ sinh (xây mới)	Pt5	31,8		1		
III	Đất cây xanh, sân chơi, sân thể dục thể thao		2.237,6		-		40,9
IV	Đất đường nội bộ		1.191,5		-		21,8
	Tổng diện tích lập quy hoạch		5.468,3	37,3	1 - 3	0,7	100,0

Các chỉ tiêu sử dụng đất đạt được:

Stt	Hạng mục	Chỉ tiêu theo thông tư số 13/2020/TT-BGDDT ngày 26/5/2020 (%)	Chỉ tiêu đạt được của đồ án (%)	Ghi chú
1	Mật độ xây dựng	≤ 40	37,3	Đạt
2	Diện tích cây xanh, sân chơi, sân thể dục thể thao	≥ 40	40,9	Đạt
3	Diện tích đường nội bộ	≥ 20	21,8	Đạt

6. Quy hoạch hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật

6.1. Chuẩn bị kỹ thuật xây dựng

a) San nền:

- Khu vực lựa chọn xây dựng khu vực quy hoạch có cao độ san nền lựa chọn trên cơ sở đảm bảo khả năng thoát nước mặt và đảm bảo khối lượng công tác đất tối thiểu.

- Khu vực lập quy hoạch được chia thành 2 cấp san nền:

+ Cấp 1 có cao độ san nền từ 28,95m -:- 29,40m;

+ Cấp 2 có cao độ san nền từ 27,75m -:- 27,85m.

b) Thoát nước mưa:

- Sử dụng hệ thống thoát nước mưa chảy riêng bằng hệ thống rãnh xây gạch B=40cm.

- Nước mưa được thu gom vào hệ thống rãnh xây gạch B=40cm sau đó thoát ra hệ thống thoát nước chạy dọc tuyến đường phía đông bắc khu vực lập quy hoạch, theo định hướng QHC của xã. Nước mưa khu vực sân thể thao và nhà đa năng sau khi thu gom vào hệ thống rãnh B=40cm sẽ được thoát ra khu vực khe suối.

6.2. Quy hoạch giao thông

- Độ dốc ngang mặt đường thiết kế là 2%, độ dốc ngang hè là 2%.

- Độ dốc dọc đường thiết kế đảm bảo cho việc đi lại an toàn và thoát nước mặt tốt chỉ số áp dụng $0,01 > i_{tk} > 0,0002$.

- Mạng lưới giao thông đối ngoại với quy mô các mặt cắt ngang như sau:

+ Mặt cắt ngang 1-1: Lộ giới 11,50m; Mặt đường $2,75 \times 2 = 5,50\text{m}$; Vĩa hè $3,00 \times 2 = 6,00\text{ m}$;

+ Mặt cắt ngang 2-2: Lộ giới 17,50m; Mặt đường $3,75 \times 2 = 7,50\text{m}$; Vĩa hè $5,00 \times 2 = 10,00\text{m}$;

- Giao thông nội bộ là hệ thống sân đường bê tông.

6.3. Quy hoạch hệ thống cấp nước.

- Tổng nhu cầu dùng nước: $181,1\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$; trong đó nhu cầu dùng nước sinh hoạt là $4,5\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$.

- Theo định hướng QHC xã: Vị trí lấy nước được đầu nối từ đường cấp nước sạch chạy dọc Quốc lộ 45. Trước mắt, khi hệ thống cấp nước sạch chưa được đầu tư xây dựng thì nguồn nước cấp cho dự án sử dụng nước giếng khoan. Nước được bơm từ giếng khoan đến bể chứa nước để cấp cho các khu vực sử dụng nước.

- Đường ống cấp nước từ vị trí đầu nổi, giếng khoan đến vào bể chứa nước và các khu vực sử dụng nước.

- Đường ống chính sử dụng ống HDPE D50 và D110 đi ngầm. Các trụ cứu hỏa chọn loại nổi D100, khoảng cách các trụ từ 100 – 150m/trụ.

6.4. Quy hoạch cấp điện, chiếu sáng, hạ tầng viễn thông

a) Cấp điện, chiếu sáng:

- Tổng nhu cầu dùng điện dự án: 34KVA.

- Nguồn cấp điện: Đầu nổi từ đường điện trung thế 35kV, nhánh rẽ TBA Xuân Lộc 2 thuộc hệ thống quản lý của Chi nhánh Điện lực khu vực Như Thanh – Như Xuân theo định hướng QHC của xã Xuân Khang.

- Trạm biến áp: xây dựng mới trạm biến áp công suất 100KVA cấp điện cho dự án.

- Điện hạ thế: Lưới điện hạ áp trong khu vực quy hoạch được sử dụng cáp ngầm XLPE dọc theo các trục sân đường chính từ tủ hạ thế phân phối đến các phụ tải điện.

- Điện chiếu sáng: Mạng lưới điện chiếu sáng bố trí đi cáp ngầm dọc theo các tuyến đường nội bộ; Khoảng cách giữa các cột trung bình 25m/cột. Chiều cao cột đèn, độ chói theo tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành.

b) Hạ tầng viễn thông:

- Hệ thống hạ tầng viễn thông khu vực lập quy hoạch thuộc hệ thống hạ tầng viễn thông huyện Như Thanh. Hiện tại hệ thống hạ tầng viễn thông đang hoạt động ổn định, phù hợp với quy hoạch.

- Nguồn cấp cho khu vực dự án được dự kiến đầu nổi từ đường cáp quang vệ tinh xã Xuân Khang, chạy dọc tuyến đường hiện trạng.

6.5. Thoát nước thải

Thiết kế theo nguyên tắc tự chảy, thiết kế riêng so với hệ thống thoát nước mưa, độ dốc thiết kế $i \geq i_{\min} = 1/D$.

- Tổng nhu cầu xử lý nước thải sinh hoạt: 4,5m³/ngày đêm.

- Nước thải từ các công trình sau khi xử lý qua bể tự hoại được thu gom qua các ga thu với khoảng cách 25-35m/ga, sau đó theo hệ thống ống HDPE D200 thu gom về hệ thống bể xử lý nước thải riêng, được đặt phía tây khu vực quy hoạch và thoát theo định hướng QHC xã được duyệt.

6.6. Vệ sinh môi trường

Chất thải rắn sinh hoạt: tổng lượng chất thải rắn trong dự án là 0,26 tấn/

ngày đêm, được thu gom 100% trong ngày và chuyển về xử lý tại khu vực xử lý rác thải theo định hướng Quy hoạch chung xã được duyệt.

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

a) Trường tiểu học Xuân Khang 1 có trách nhiệm:

- Hoàn chỉnh hồ sơ gửi UBND huyện Như Thanh, cơ quan thẩm định để đóng dấu, lưu trữ theo quy định, làm cơ sở quản lý thực hiện.

- Tổ chức công bố công khai quy hoạch cho các tổ chức, cơ quan, nhân dân biết để thực hiện và giám sát thực hiện.

b) Phòng Kinh tế và Hạ tầng, Tài nguyên và Môi trường và các phòng ban chức năng liên quan theo chức năng nhiệm vụ của mình có trách nhiệm hướng dẫn, quản lý thực hiện theo quy hoạch và các quy định hiện hành của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký ban hành.

Chánh văn phòng HĐND & UBND huyện Như Thanh, Trưởng phòng Tài nguyên & Môi trường, Trưởng phòng Tài chính – Kế hoạch, Phó trưởng phòng Kinh tế và Hạ tầng, Giám đốc Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện, Chủ tịch UBND xã Xuân Khang, Hiệu trưởng Trường tiểu học Xuân Khang 1 và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Sở Xây dựng (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Lưu: VT, KTHT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Đặng Tiến Dũng